

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner

/ IPA Partner Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPA PARTNER VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date : 23/10/2026

7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

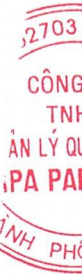
STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	1,286,138,000	96.48%
1	ACB	2,500	3.84%
2	BID	200	0.51%
3	BSR	200	0.44%
4	CII	300	0.32%
5	CTG	600	1.38%
6	DBC	100	0.12%
7	DCM	100	0.26%
8	DGW	100	0.34%
9	DIG	400	0.30%
10	DPM	100	0.16%
11	DXG	500	0.40%
12	EIB	700	0.89%
13	EVF	400	0.36%
14	FPT	800	3.44%
15	FRT	100	1.14%
16	GAS	100	0.59%
17	GEE	100	0.55%
18	GEX	300	0.53%
19	GMD	300	1.29%
20	GVR	100	0.24%
21	HAG	300	0.33%

**CÔNG TY
TNHH
QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU
TƯ IPA
PARTNER**

Digitally signed by CÔNG
TY TNHH QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ IPA
PARTNER
DN:
OID.0.9.2342.19200300.
100.1.1=MST010270317
8, CN=CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
IPA PARTNER,
L=Phường Hai Bà
Trung, S=HÀ NỘI, C=VN
Reason: I am the author
of this document
Date: 22/10/2026 5:27
PM
PDFgear Version: 2.1.16



22	HCM	400	0.72%
23	HDB	2,600	4.36%
24	HDG	100	0.12%
25	HHV	200	0.15%
26	HPG	2,100	3.35%
27	HSG	200	0.16%
28	KBC	300	0.61%
29	KDH	400	0.45%
30	LPB	1,400	4.10%
31	MBB	2,300	3.43%
32	MSB	1,300	1.50%
33	MSN	500	2.77%
34	MWG	600	3.39%
35	NAB	800	0.74%
36	NKG	200	0.18%
37	NLG	200	0.35%
38	NVL	900	0.72%
39	OCB	500	0.39%
40	PCI	100	0.15%
41	PDR	300	0.27%
42	PLX	100	0.27%
43	PNJ	200	0.28%
44	POW	300	0.28%
45	PVD	200	0.28%
46	PVT	100	0.18%
47	REE	100	0.35%
48	SAB	100	0.33%
49	SHB	1,900	1.54%
50	SSB	800	0.96%
51	SSI	1,100	1.66%
52	STB	900	4.33%
53	TCB	2,000	5.12%
54	TCH	300	0.27%
55	TPB	900	0.86%
56	VCB	500	2.11%
57	VCG	200	0.23%
58	VCI	400	0.59%
59	VHM	1,400	6.72%
60	VIB	1,200	1.26%
61	VIC	700	12.23%
62	VIX	1,400	1.32%
63	VJC	100	0.96%
64	VND	600	0.62%



65	VNM	400	1.74%
66	VPB	2,800	5.03%
67	VPL	100	0.64%
68	VRE	400	0.76%
69	VSC	200	0.22%
II.	Tiền/Cash (VND)	46,897,289	3.52%
III.	Tổng/Total	1,333,035,289	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 1,286,138,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 1,333,035,289

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 46,897,289

Giá trị tài sản ròng của 1 chứng chỉ quỹ/ Value per share of ETF (VND) 13,330.3529

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	20,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	33,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	57,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	57,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	GVR	31,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	19,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	75,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	PNJ	18,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	REE	46,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TCB	34,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	TPB	12,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	23,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
13	VND	13,750	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

Dại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

